

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

27/6

1771-108

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21DA

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

.....27...../.....6...../2022.....

Phòng thi:.....Đ71-108.....

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	115621002	Sơn Hữu Lượng	02/08/2003	Nam	7,1	4,8	6,0	2			
2	115621004	Sơn Quốc Nghĩa	10/10/2003	Nam	8,4	7,8	8,1	3			
3	115621006	Nguyễn Thị Anh Thư	03/09/2003	Nữ	9,0	6,5	7,8	4			
4	115621010	Lư Thanh Hân	07/07/2003	Nữ	—	—	—	—	—		Vai
5	115621017	Trần Thúy Quỳnh	25/05/2003	Nữ	10,0	7,3	8,7	6			
6	115621022	Hà Bé Chăm	16/05/2003	Nữ	8,6	7,0	7,8	7			
7	115621025	Thạch Khánh Nhân	25/11/2003	Nam	7,4	4,8	6,1	8			
8	115621028	Trương Chí Nghị	27/06/2003	Nam	6,5	4,0	5,3	9			
9	115621031	Trần Thị Thanh Ngân	22/02/2003	Nữ	10,0	5,3	7,7	10			
10	115621032	Châu Hoàng Thiện	05/02/2003	Nam	8,4	5,3	6,9	11			
11	115621038	Lê Thị Hồng Thắm	02/10/2003	Nữ	7,7	6,3	7,0	12			
12	115621041	Phạm Tuyết Minh	28/09/2003	Nữ	9,5	6,5	8,0	13			
13	115621044	Pan Ngọc Kim	05/05/2003	Nữ	8,6	5,3	7,0	14			
14	115621059	Huỳnh Mỹ Hào	07/08/2003	Nữ	10,0	5,5	7,8	15			
15	115621061	Nguyễn Hà Phương Dung	05/09/2003	Nữ	8,3	7,3	7,8	16			
16	115621062	Đỗ Ngọc Sa Huỳnh	17/03/2003	Nữ	10,0	5,3	7,7	17			
17	115621085	Nguyễn Trọng Nghĩa	10/10/2003	Nam	10,0	4,3	7,2	18			
18	115621086	Nguyễn Thị Hồng Nhung	02/01/2003	Nữ	10,0	8,0	9,0	19			
19	115621087	Nguyễn Thị Bạch Huệ	16/11/2003	Nữ	8,4	6,8	7,6	20			
20	115621090	Phạm Thị Kiều Oanh	28/03/2003	Nữ	8,9	6,5	7,7	21			

Tổng số sv, hs trên danh sách:.....20.....

Tổng số sv, hs dự đánh giá:.....19.....

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo:.....19.....

Tổng số tờ:.....19.....

Cán bộ coi thi 1:.....

Điểm QT:.....50.....%; Điểm KT:.....50.....%

Trà Vinh, Ngày 01..... tháng 8..... năm 2022

Cán bộ ghi điểm:.....

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra:.....

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)
Số tín chỉ 3
Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21DA
CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN
Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc
28/06/2022
Phòng thi: D71.109

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115621092	Phạm Hường Dương	26/11/2003	Nữ	8.3	5,3	6,8	1	<u>M</u>		
2	115621099	Phạm Thành Đạt	27/04/2002	Nam	6.9	6,5	6,7	1	<u>Thành Đạt</u>		
3	115621101	Tăng Phương Quỳnh	03/02/2003	Nữ	10.0	8,8	9,4	2	<u>Quỳnh</u>		
4	115621107	Phan Võ Hoàng Phúc	10/03/2003	Nam	10.0	6,5	8,3	3	<u>Ph</u>		
5	115621108	Nguyễn Hoàng Thông	27/01/2003	Nam	10.0	7,5	8,8	4	<u>Thông</u>		
6	115621110	Lý Lan Thanh	25/10/2003	Nữ	10.0	9,0	9,5	5	<u>Thanh</u>		
7	115621112	Dương Thị Thu Thảo	02/10/2003	Nữ	8.9	9,0	9,0	6	<u>Thảo</u>		
8	115621118	Nguyễn Huỳnh Sông Hương	11/01/2003	Nữ	8.3	6,8	7,1	7	<u>Hương</u>		
9	115621119	Nguyễn Hà Phúc Khang	24/06/2003	Nam	10.0	7,5	8,8	8	<u>Phúc Khang</u>		
10	115621120	Võ Tiến Long	23/09/2003	Nam	8.2	7,5	7,9	9	<u>Long</u>		
11	115621122	Ngô Ngọc Quý Ngân	07/09/2003	Nữ	9.8	6,8	8,3	10	<u>Ngân</u>		
12	115621126	Thạch Thị Ngọc Ngân	26/10/2003	Nữ	8.2	4,0	6,1	11	<u>Ngân</u>		
13	115621132	Lê Thái Kiệt	18/01/2003	Nam	9.1	8,0	8,6	12	<u>Thái Kiệt</u>		
14	115621133	Nguyễn Trần Nam Ngọc	06/11/2003	Nữ	8.9	8,8	6,4	13	<u>Nam Ngọc</u>		
15	115621148	Trương Thị Yến Khoa	01/10/2003	Nữ	10.0	9,0	9,5	14	<u>Khoa</u>		
16	115621151	Trần Minh Hiếu	31/10/2003	Nam	9.6	6,3	8,0	15	<u>Hiếu</u>		
17	115621155	Đinh Lê Kiều Diễm	02/03/2003	Nữ	9.0	5,3	7,2	16	<u>Diễm</u>		
18	115621156	Huỳnh Liêng Phương Thảo	30/01/2003	Nữ	10.0	6,3	8,2	17	<u>Thảo</u>		
19	115621160	Trần Trung Hiếu	24/10/2003	Nam	7.1	5,8	6,5	18	<u>Hiếu</u>		
20	115621161	Tổng Nguyễn Huỳnh	09/10/2003	Nam	9.8	7,3	8,6	19	<u>Huỳnh</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20
Tổng số sv, hs dự đánh giá: 20
Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 20
Tổng số tờ: 20

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn T. Tuyết Ngân

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 8 năm 2022

Cán bộ ghi điểm: Đang Sơn Sơn

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21DA

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Đánh giá

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27/06/2022Phòng thi: D71 112

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/Mã đề	Chữ ký	Đổi tượng SV	Gh chú
1	115621162	Nguyễn Châu Xuân Ngọc	13/10/2003	Nữ	10.0	5.0	7.5	1	<i>[Signature]</i>		
2	115621163	Trần Trọng Nhân	01/10/2003	Nam	8.8	7.5	8.2	2	<i>[Signature]</i>		
3	115621167	Thạch Thành Tâm	11/12/2003	Nam	8.0	5.0	6.5	3	<i>[Signature]</i>		
4	115621171	Phạm Đan Huy	20/02/2003	Nam	7.0	4.3	5.7	4	<i>[Signature]</i>		
5	115621173	Lê Thị Ngọc Hân	02/10/2003	Nữ	10.0	7.3	8.7	5	<i>[Signature]</i>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 05Tổng số sv, hs dự đánh giá: 05Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 05

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: *[Signature]*

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%Trà Vinh, Ngày 01 tháng 8 năm 2022Cán bộ ghi điểm: *[Signature]*Cán bộ kiểm tra: *[Signature]*

HỘI ĐỒNG THI HỌC KỲ**Danh Sách Ghi Điểm****Kết thúc học phần-Lần 1**

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ: 3

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21DB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Giới nghiêm

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27 / 06 / 2022Phòng thi: Đ71 110

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115621003	Phùng Đăng Khoa	24/03/2001	Nam	7.9	5.0	6.5	01	<i>Phùng Đăng Khoa</i>		
2	115621005	Trần Thanh Nhân	06/09/2003	Nam	6.5	3.8	5.2	02	<i>Trần Thanh Nhân</i>		
3	115621007	Thạch Thị Tuyết Nhi	04/10/2003	Nữ	8.1	6.5	7.3	03	<i>Thạch Thị Tuyết Nhi</i>		
4	115621008	Võ Nhựt Duy	01/01/2001	Nam	7.0	4.0	5.5	04	<i>Võ Nhựt Duy</i>		
5	115621009	Trương Tuyết Thảo	29/03/2003	Nữ	7.3	7.5	7.4	05	<i>Trương Tuyết Thảo</i>		
6	115621020	Võ Huỳnh Đăng Khoa	23/10/2003	Nam	9.1	5.3	7.2	06	<i>Võ Huỳnh Đăng Khoa</i>		
7	115621023	Trần Nhật Hào	16/12/2003	Nam	7.6	4.5	6.1	07	<i>Trần Nhật Hào</i>		
8	115621030	Huỳnh Đặng Phúc An	23/10/2003	Nam	8.8	4.8	6.8	08	<i>Huỳnh Đặng Phúc An</i>		
9	115621034	Nguyễn Huỳnh Phương	13/02/2003	Nữ	9.7	5.5	7.6	09	<i>Nguyễn Huỳnh Phương</i>		
10	115621039	Hoàng Trung Hiếu	16/03/2003	Nam	8.9	4.0	6.5	10	<i>Hoàng Trung Hiếu</i>		
11	115621043	Phạm Thị Mỹ Dung	06/11/2002	Nữ	8.2	3.5	5.9	11	<i>Phạm Thị Mỹ Dung</i>		
12	115621050	Phan Yến Ngọc	21/12/2003	Nữ	—	—	—	—	—		vắng
13	115621051	Lê Hữu Duy	02/03/2002	Nam	7.3	6.3	6.8	13	<i>Lê Hữu Duy</i>		
14	115621056	Nguyễn Ngô Lan Thảo	04/12/2003	Nữ	8.8	4.8	6.8	14	<i>Nguyễn Ngô Lan Thảo</i>		
15	115621058	Lê Hồ Thanh Thuý	19/12/2003	Nữ	6.9	5.3	6.1	15	<i>Lê Hồ Thanh Thuý</i>		
16	115621060	Phạm Thị Kim Hồng	12/11/2003	Nữ	7.5	7.5	7.5	16	<i>Phạm Thị Kim Hồng</i>		
17	115621066	Nguyễn Thanh Bình	13/10/2003	Nam	7.6	5.0	6.3	17	<i>Nguyễn Thanh Bình</i>		
18	115621068	Đỗ Thị Nam	13/08/2003	Nữ	7.8	5.3	6.5	18	<i>Đỗ Thị Nam</i>		
19	115621074	Đinh Thị Ngọc Hân	19/05/2003	Nữ	10.0	6.8	8.4	19	<i>Đinh Thị Ngọc Hân</i>		
20	115621082	Nguyễn Minh Thư	25/08/2003	Nữ	7.6	—	—	—	—		vắng

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20Tổng số sv, hs dự đánh giá: 18Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 18

Tổng số tờ:

Cán bộ coi thi 1: *Nguyễn Thanh Thanh*

Cán bộ coi thi 2:

Điểm QT: 80 %; Điểm KT: 50 %Trà Vinh, Ngày 01 tháng 8 năm 2022Cán bộ ghi điểm: *Sơn Sơn La*Cán bộ kiểm tra: *Nguyễn Thị Lành*

Danh Sách Ghi Điểm
Kết thúc học phần-Lần 1
Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21DB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá:.....TN.....

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27/6/2022

Phòng thi: D71.111

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115621084	Trần Thị Thùy Mỹ	26/11/2003	Nữ	8,5	5,0	6,8				
2	115621088	Dương Thúy Ngân	01/01/2003	Nữ	6,7	6,0	6,4				
3	115621089	Phạm Thị Thiệu Nhi	05/05/2003	Nữ	8,0	7,3	7,7				
4	115621091	Trần Thanh Ngọc	28/05/2003	Nữ	9,0	7,3	8,2				
5	115621102	Thương Thị Thanh Thảo	24/09/2003	Nữ	9,1	6,3	7,7				
6	115621106	Đặng Ngọc Quế Anh	04/12/2003	Nữ	6,9						
7	115621116	Nguyễn Phúc Hưng	28/09/2003	Nam	8,4	5,5	7,0				7,0
8	115621127	Võ Thị Kim Chi	11/06/2003	Nữ	9,8	6,3	8,1				8,1
9	115621129	Võ Phạm Quốc Anh	07/07/2003	Nam	8,5	3,5	6,0				6,0
10	115621131	Tôn Ngọc Huyền	26/11/2003	Nữ	7,9	6,0	7,0				7,0
11	115621135	Võ Ngọc Xuân Thy	05/01/2003	Nữ	8,4	8,0	8,2				8,2
12	115621140	Nguyễn Anh Khoa	05/06/2003	Nam	8,8	6,0	7,4				7,4
13	115621142	Trần Thanh Phong	22/11/2003	Nam	8,3	5,5	6,9				6,9
14	115621143	Lâm Thị Thanh Phương	19/12/2003	Nữ	7,3	5,8	6,6				6,6
15	115621145	Võ Thị Thanh Ngân	21/05/2003	Nữ	7,4	5,3	6,4				6,4
16	115621146	Nguyễn Thị Thanh Trúc	12/09/2003	Nữ	8,1	6,5	7,3				7,3
17	115621147	Thạch Thị Thu Huệ	10/12/2003	Nữ	7,0	5,0	6,0				6,0
18	115621150	Thạch Ngọc Hà	16/08/2003	Nam	9,3	6,0	7,7				7,7
19	115621153	Hứa Thị Thùy Dung	28/09/2003	Nữ	9,3	7,0	8,2				8,2
20	115621154	Lê Thụy Ngọc Ngoan	07/02/2003	Nữ	9,0	6,0	7,5				7,5

Tổng số sv, hs trên danh sách: 20

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 19

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 19

Tổng số tờ:.....

Điểm QT: 50%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Duy Tuấn

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:.....

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA21DB

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: Thi nhận

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27 / 08 / 2022

Phòng thi: DT1.12

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	115621157	Lâm Bảo Toàn	15/01/2002	Nam	<u>10.0</u>	<u>5,5</u>	<u>7,8</u>	<u>6</u>	<u>100</u>		
2	115621184	Lê Ngọc Hân	15/11/1998	Nữ	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>		
3	115621188	Nguyễn Linh Tâm	29/08/2003	Nam	<u>7,1</u>	<u>4,0</u>	<u>5,6</u>	<u>8</u>	<u>100</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 03

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 03

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 02

Tổng số tờ: 1

Cán bộ coi thi 1: Nguyễn Ngọc Xuân

Cán bộ coi thi 2: Nguyễn Thị Lành

Điểm QT: 30%; Điểm KT: 50%

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 08 năm 2022

Cán bộ ghi điểm: Nguyễn Thị Lành

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Lành

These are the results of the

analysis of the data for the

period from 1980 to 1981.

The following table shows the

results of the analysis for the

period from 1980 to 1981.

The following table shows the

results of the analysis for the

period from 1980 to 1981.

The following table shows the

results of the analysis for the

period from 1980 to 1981.

The following table shows the

results of the analysis for the

period from 1980 to 1981.

The following table shows the

results of the analysis for the

period from 1980 to 1981.

The following table shows the

results of the analysis for the

period from 1980 to 1981.

The following table shows the

results of the analysis for the

period from 1980 to 1981.

The following table shows the

results of the analysis for the

period from 1980 to 1981.

The following table shows the

results of the analysis for the

period from 1980 to 1981.

The following table shows the

results of the analysis for the

period from 1980 to 1981.

The following table shows the

results of the analysis for the

period from 1980 to 1981.

The following table shows the

results of the analysis for the

period from 1980 to 1981.

The following table shows the

results of the analysis for the

period from 1980 to 1981.

The following table shows the

results of the analysis for the

period from 1980 to 1981.

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Don Van Lee

Danh Sách Ghi Điểm

Kết thúc học phần-Lần 1

Học kỳ 1 - Năm học 2021 - 2022

Học phần Triết học Mác - Lênin (180050)

Số tín chỉ 3

Nhóm/Lớp: (08 -)/DA19KNT

CBGD: Nguyễn Thanh Thanh (00342)

Hình thức đánh giá: TN

Ngày hoàn thành đánh giá kết thúc

27 / 6 / 2022

Phòng thi: 071.108

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Phái	Đ.TBQT	Điểm KT	Tổng kết	Số tờ/ Mã đề	Chữ ký	Đôi tượng SV	Gh chú
1	114617001	Trần Nguyên Bình	03/01/1998	Nam	<u>6,8</u>	<u>3,5</u>	<u>5,1</u>	<u>1</u>	<u>nguyên</u>		

Tổng số sv, hs trên danh sách: 01

Tổng số sv, hs dự đánh giá: 01

Tổng số bài/tiểu luận/báo cáo: 01

Tổng số tờ: 01

Điểm QT: 50 %; Điểm KT: 50 %

Trà Vinh, Ngày 01 tháng 8 năm 2022

Cán bộ coi thi 1: Lê Thị Mỹ Duyên

Cán bộ ghi điểm: Sơn Sơn La

Cán bộ coi thi 2:

Cán bộ kiểm tra: Nguyễn Thị Linh

THE JOURNAL OF THE
ROYAL ANTHROPOLOGICAL INSTITUTE
OF GREAT BRITAIN AND IRELAND
VOLUME 100 PART 1 2000

THE JOURNAL OF THE

ROYAL ANTHROPOLOGICAL INSTITUTE

OF GREAT BRITAIN AND IRELAND

VOLUME 100 PART 1 2000

THE JOURNAL OF THE

ROYAL ANTHROPOLOGICAL INSTITUTE

OF GREAT BRITAIN AND IRELAND

VOLUME 100 PART 1 2000

THE JOURNAL OF THE

ROYAL ANTHROPOLOGICAL INSTITUTE

THE JOURNAL OF THE

ROYAL ANTHROPOLOGICAL INSTITUTE

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21DA phòng D71.112 buổi tối ngày 27/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi ch
1	115621157	Lâm Bảo Toàn	2002	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.112-270622_6	DA21DB	22	5.5	
2	115621162	Nguyễn Châu Xuân Ngọc	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.112-270622_1	DA21DA	20	5	
3	115621163	Trần Trọng Nhân	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.112-270622_2	DA21DA	30	7.5	
4	115621167	Thạch Thành Tâm	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.112-270622_3	DA21DA	20	5	
5	115621171	Phạm Đan Huy	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.112-270622_4	DA21DA	17	4.25	
6	115621173	Lê Thị Ngọc Hân	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.112-270622_5	DA21DA	29	7.25	
7	115621184	Lê Ngọc Hân	1998	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.112-270622_7	DA21DB	0	0	
8	115621188	Nguyễn Linh Tâm	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.112-270622_8	DA21DB	16	4	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21DB phòng D71.111 buổi tối ngày 27/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi ch
1	115621084	Trần Thị Thùy Mỹ	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_1	DA21DB	20	5	
2	115621088	Dương Thủy Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_2	DA21DB	24	6	
3	115621089	Phạm Thị Thiếu Nhi	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_3	DA21DB	29	7.25	
4	115621091	Trần Thanh Ngọc	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_4	DA21DB	29	7.25	
5	115621102	Thượng Thị Thanh Thảo	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_5	DA21DB	25	6.25	
6	115621106	Đặng Ngọc Quế Anh	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_6	DA21DB	0	0	
7	115621116	Nguyễn Phúc Hưng	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_7	DA21DB	22	5.5	
8	115621127	Võ Thị Kim Chi	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_8	DA21DB	25	6.25	
9	115621129	Võ Phạm Quốc Anh	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_9	DA21DB	14	3.5	
10	115621131	Tôn Ngọc Huyền	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_10	DA21DB	24	6	
11	115621135	Võ Ngọc Xuân Thy	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_11	DA21DB	32	8	
12	115621140	Nguyễn Anh Khoa	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_12	DA21DB	24	6	
13	115621142	Trần Thanh Phong	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_13	DA21DB	22	5.5	
14	115621143	Lâm Thị Thanh Phương	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_14	DA21DB	23	5.75	
15	115621145	Võ Thị Thanh Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_15	DA21DB	21	5.25	
16	115621146	Nguyễn Thị Thanh Trúc	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_16	DA21DB	26	6.5	
17	115621147	Thạch Thị Thu Huế	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_17	DA21DB	20	5	
18	115621150	Thạch Ngọc Hà	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_18	DA21DB	24	6	
19	115621153	Hứa Thị Thùy Dung	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_19	DA21DB	28	7	
20	115621154	Lê Thụy Ngọc Ngoan	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_20	DA21DB	24	6	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21DA phòng D71.108 buổi tối ngày 27/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi c
1	114617001	Trần Nguyên Bình	1998	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_1	DA19KNT	14	3.5	
2	115621002	Sơn Hữu Lượng	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_2	DA21DA	19	4.75	
3	115621004	Sơn Quốc Nghĩa	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_3	DA21DA	31	7.75	
4	115621006	Nguyễn Thị Anh Thư	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_4	DA21DA	26	6.5	
5	115621010	Lư Thanh Hân	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_5	DA21DA	0	0	
6	115621017	Trần Thúy Quỳnh	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_6	DA21DA	29	7.25	
7	115621022	Hà Bé Châm	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_7	DA21DA	28	7	
8	115621025	Thạch Khánh Nhân	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_8	DA21DA	19	4.75	
9	115621028	Trương Chí Nghị	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_9	DA21DA	16	4	
10	115621031	Trần Thị Thanh Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_10	DA21DA	21	5.25	
11	115621032	Châu Hoàng Thiện	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_11	DA21DA	21	5.25	
12	115621038	Lê Thị Hồng Thắm	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_12	DA21DA	25	6.25	
13	115621041	Phạm Tuyết Minh	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_13	DA21DA	26	6.5	
14	115621044	Pan Ngọc Kim	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_14	DA21DA	21	5.25	
15	115621059	Huỳnh Mỹ Hào	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_15	DA21DA	22	5.5	
16	115621061	Nguyễn Hà Phương Dung	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_16	DA21DA	29	7.25	
17	115621062	Đỗ Ngọc Sa Huỳnh	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_17	DA21DA	21	5.25	
18	115621085	Nguyễn Trọng Nghĩa	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_18	DA21DA	17	4.25	
19	115621086	Nguyễn Thị Hồng Nhung	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_19	DA21DA	32	8	
20	115621087	Nguyễn Thị Bạch Huệ	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_20	DA21DA	27	6.75	
21	115621090	Phạm Thị Kiều Oanh	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.108-270622_21	DA21DA	26	6.5	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ CỎI THI 1

CÁN BỘ CỎI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21DB phòng D71.110 buổi tối ngày 27/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi chú
1	115621003	Phùng Đăng Khoa	2001	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.110-270622_1	DA21DB	20	5	
2	115621005	Trần Thanh Nhân	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.110-270622_2	DA21DB	15	3.75	
3	115621007	Thạch Thị Tuyết Nhi	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.110-270622_3	DA21DB	26	6.5	
4	115621008	Võ Nhật Duy	2001	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.110-270622_4	DA21DB	16	4	
5	115621009	Trương Tuyết Thảo	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.110-270622_5	DA21DB	30	7.5	
6	115621020	Võ Huỳnh Đăng Khoa	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.110-270622_6	DA21DB	21	5.25	
7	115621023	Trần Nhật Hào	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.110-270622_7	DA21DB	18	4.5	
8	115621030	Huỳnh Đăng Phúc An	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.110-270622_8	DA21DB	19	4.75	
9	115621034	Nguyễn Huỳnh Phương	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.110-270622_9	DA21DB	22	5.5	
10	115621039	Hoàng Trung Hiếu	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.110-270622_10	DA21DB	16	4	
11	115621043	Phạm Thị Mỹ Dung	2002	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.110-270622_11	DA21DB	14	3.5	
12	115621050	Phan Yến Ngọc	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.110-270622_12	DA21DB	0	0	
13	115621051	Lê Hữu Duy	2002	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.110-270622_13	DA21DB	25	6.25	
14	115621056	Nguyễn Ngô Lan Thảo	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.110-270622_14	DA21DB	19	4.75	
15	115621058	Lê Hồ Thanh Thuý	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.110-270622_15	DA21DB	21	5.25	
16	115621060	Phạm Thị Kim Hồng	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.110-270622_16	DA21DB	30	7.5	
17	115621066	Nguyễn Thanh Bình	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.110-270622_17	DA21DB	20	5	
18	115621068	Đỗ Thị Nam	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.110-270622_18	DA21DB	21	5.25	
19	115621074	Đinh Thị Ngọc Hân	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.110-270622_19	DA21DB	27	6.75	
20	115621082	Nguyễn Minh Thư	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.110-270622_20	DA21DB	0	0	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21DA phòng D71.109 buổi tối ngày 27/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi c
1	115621099	Phạm Thành Đạt	2002	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.109-270622_1	DA21DA	26	6.5	
2	115621101	Tăng Phương Quỳnh	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.109-270622_2	DA21DA	35	8.75	
3	115621107	Phan Võ Hoàng Phúc	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.109-270622_3	DA21DA	26	6.5	
4	115621108	Nguyễn Hoàng Thông	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.109-270622_4	DA21DA	30	7.5	
5	115621110	Lý Lan Thanh	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.109-270622_5	DA21DA	36	9	
6	115621112	Dương Thị Thu Thảo	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.109-270622_6	DA21DA	36	9	
7	115621118	Nguyễn Huỳnh Sông Hương	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.109-270622_7	DA21DA	27	6.75	
8	115621119	Nguyễn Hà Phúc Khang	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.109-270622_8	DA21DA	30	7.5	
9	115621120	Võ Tiến Long	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.109-270622_9	DA21DA	30	7.5	
10	115621122	Ngô Ngọc Quý Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.109-270622_10	DA21DA	27	6.75	
11	115621126	Thạch Thị Ngọc Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.109-270622_11	DA21DA	16	4	
12	115621132	Lê Thái Kiệt	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.109-270622_12	DA21DA	32	8	
13	115621133	Nguyễn Trần Nam Ngọc	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.109-270622_13	DA21DA	15	3.75	
14	115621148	Trương Thị Yến Khoa	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.109-270622_14	DA21DA	36	9	
15	115621151	Trần Minh Hiếu	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.109-270622_15	DA21DA	25	6.25	
16	115621155	Đinh Lê Kiều Diễm	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.109-270622_16	DA21DA	21	5.25	
17	115621156	Huỳnh Liêng Phương Thảo	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.109-270622_17	DA21DA	25	6.25	
18	115621160	Trần Trung Hiếu	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.109-270622_18	DA21DA	23	5.75	
19	115621161	Tổng Nguyễn Huỳnh	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.109-270622_19	DA21DA	29	7.25	
20	115621092	Phạm Hướng Dương	2003	LLCT-THM-L-DA21DA-D71.109-270622_1	DA21DA	21	5.25	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2

DANH SÁCH KẾT QUẢ THI

Môn thi: Triết học Mác - Lênin, lớp DA21DB phòng D71.111 buổi tối ngày 27/06/2022

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Mã đề thi	Lớp	Số câu đúng	Điểm quy đổi	Ghi ch
1	115621084	Trần Thị Thùy Mỹ	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_1	DA21DB	20	5	
2	115621088	Dương Thúy Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_2	DA21DB	24	6	
3	115621089	Phạm Thị Thiệu Nhi	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_3	DA21DB	29	7.25	
4	115621091	Trần Thanh Ngọc	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_4	DA21DB	29	7.25	
5	115621102	Thượng Thị Thanh Thảo	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_5	DA21DB	25	6.25	
6	115621106	Đặng Ngọc Quế Anh	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_6	DA21DB	0	0	
7	115621116	Nguyễn Phúc Hưng	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_7	DA21DB	22	5.5	
8	115621127	Võ Thị Kim Chi	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_8	DA21DB	25	6.25	
9	115621129	Võ Phạm Quốc Anh	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_9	DA21DB	14	3.5	
10	115621131	Tôn Ngọc Huyền	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_10	DA21DB	24	6	
11	115621135	Võ Ngọc Xuân Thy	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_11	DA21DB	32	8	
12	115621140	Nguyễn Anh Khoa	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_12	DA21DB	24	6	
13	115621142	Trần Thanh Phong	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_13	DA21DB	22	5.5	
14	115621143	Lâm Thị Thanh Phương	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_14	DA21DB	23	5.75	
15	115621145	Võ Thị Thanh Ngân	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_15	DA21DB	21	5.25	
16	115621146	Nguyễn Thị Thanh Trúc	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_16	DA21DB	26	6.5	
17	115621147	Thạch Thị Thu Huế	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_17	DA21DB	20	5	
18	115621150	Thạch Ngọc Hà	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_18	DA21DB	24	6	
19	115621153	Hứa Thị Thùy Dung	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_19	DA21DB	28	7	
20	115621154	Lê Thụy Ngọc Ngoan	2003	LLCT-THM-L-DA21DB-D71.111-270622_20	DA21DB	24	6	

Số lượng thí sinh trên danh sách:.....

Số lượng thí sinh dự thi :.....

CÁN BỘ COI THI 1

CÁN BỘ COI THI 2